TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2024
Về xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi
Bà Hoàng Thị Kim Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Lương Thị L, sinh năm 1987.

Trú tại: thôn T, xã X, huyện T, tỉnh T

- **Bị đơn**: anh Đỗ Minh H, sinh năm 1981.

Trú tại: số nhà 63 ngõ 522, đường N, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị L (có đơn xin giải quyết vắng mặt), vắng mặt anh H mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Lương Thị L trình bày*:

Chị và anh Đỗ Minh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N vào ngày 01/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh H ở số nhà 63 ngõ 522, đường Nguyễn Công Trứ, phố Thượng Lân, phường N, thành phố N, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng sảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm cách sống, anh H

thường xuyên đi chơi thâu đêm, anh H không quan tâm đến chị, coi thường chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến ngày 29/2/2024, do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh T ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Minh H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh H tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị L cung cấp các tài liệu: Trích lục kết hôn, căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú của anh H, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bản tự khai của chị L, đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt của chị L.

****** *Bị đơn - anh Đỗ Minh H: không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mặc dù Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác hợp lệ.*

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L, xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Đỗ Minh H. Về án phí ly hôn: chị L phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị L và anh Đỗ Minh H kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N vào ngày 01/02/2023. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L, anh H chung sống cùng nhà tại nhà với bố mẹ đẻ anh H ở số nhà 63 ngõ 522, đường

Nguyễn Công Trứ, phố Thượng Lân, phường N, thành phố N, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do anh H chơi bời, vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần. Hiện nay chị L đã bỏ nhà đi, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh H không đến làm việc, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung:* chị Lương Thị L và anh Đỗ Minh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét do chị L không có yêu cầu.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo pháp luật được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị L.

Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Đỗ Minh H. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lương Thị L phải nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/23 số 0000214 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi
- TAND tỉnh N

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

Nguyễn Thị Bích Thủy